

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HUNG YÊN
ĐỀ CHÍNH THỨC**
(Đề có 04 trang)

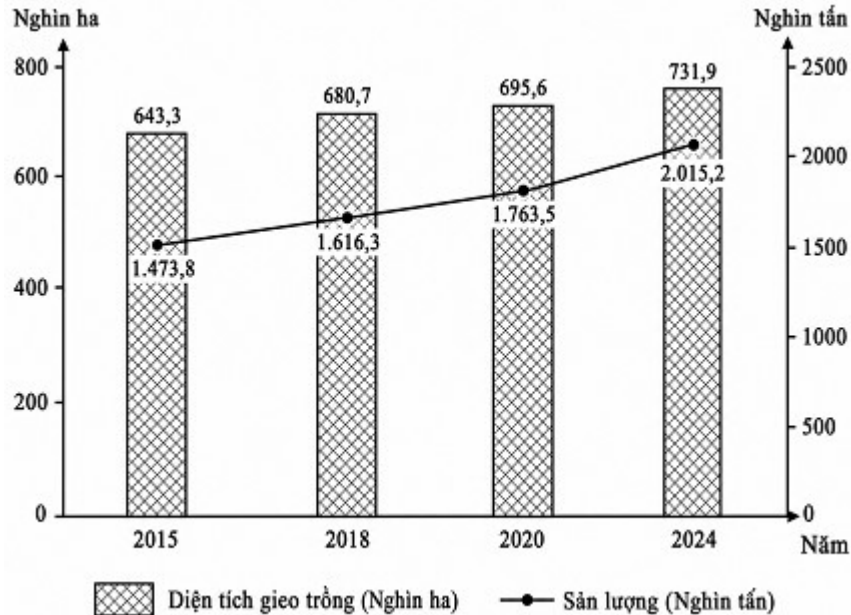
**KỲ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT LẦN 2
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: ĐỊA LÍ**

Thời gian làm bài 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ và tên: Số báo danh: **MÃ ĐỀ: 0943**

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Cho biểu đồ sau:



Diện tích và sản lượng cà phê của nước ta giai đoạn 2015 - 2024

(Nguồn: <https://www.nso.gov.vn/px-web>)

Nhận xét nào sau đây đúng về tình hình sản xuất cây cà phê của nước ta giai đoạn 2015 - 2024?

- A. Diện tích giảm, sản lượng tăng. B. Sản lượng tăng, năng suất giảm.
C. Năng suất tăng, sản lượng tăng. D. Sản lượng tăng, diện tích giảm.

Câu 2. Các cây trồng nào sau đây ở nước ta là cây công nghiệp nhiệt đới?

- A. Cao su, hồ tiêu. B. Ngô, lúa gạo. C. Cà phê, sầu riêng. D. Cà phê, chè.

Câu 3. Phần lãnh thổ phía Bắc nước ta có biên độ nhiệt độ trung bình năm cao hơn phần lãnh thổ phía Nam chủ yếu do

- A. vị trí gần chí tuyến Bắc và tác động của gió mùa Đông Bắc.
B. vị trí ở xa xích đạo và tác động của Tín phong bán cầu Bắc.
C. nằm ở vùng nội chí tuyến, trong khu vực gió mùa châu Á.
D. nằm ở gần vùng ngoại chí tuyến, tiếp giáp với Biển Đông.

Câu 4. Điều kiện chủ yếu để nuôi trồng thủy sản nước ta là

- A. thị trường lớn, gia tăng chế biến. B. nhiều sông ngòi, đầm phá ven bờ.
C. bãi tôm, bãi cá, nhiều đảo xa bờ. D. vịnh nước sâu, nhiều ngư trường.

Câu 5. Loại thiên tai nào sau đây thường xảy ra vào mùa mưa bão ở vùng núi nước ta?

- A. Xâm nhập mặn. B. Ngập lụt diện rộng. C. Nước dâng do bão. D. Lũ quét, sạt lở đất.

Câu 6. Ý nào sau đây đúng với vị trí địa lý của Bắc Trung Bộ?

- A. Phía Bắc giáp Đồng bằng sông Hồng. B. Tiếp giáp với Lào và Cam-pu-chia.
C. Giáp Đông Nam Bộ ở phía nam. D. Giáp vịnh Bắc Bộ ở phía tây.

Câu 7. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của Đồng bằng sông Hồng có quy mô lớn chủ yếu do

- A. kinh tế phát triển, dân cư đông đúc, mức sống người dân được nâng cao.
B. mạng lưới giao thông thuận tiện, nhiều trung tâm công nghiệp lớn.
C. có nhiều loại hình dịch vụ mới, thu hút vốn đầu tư nước ngoài lớn.

D. tập trung nhiều khu chế xuất, hoạt động xuất khẩu diễn ra mạnh mẽ.

Câu 8. Trung du và miền núi phía Bắc hiện nay có thế mạnh để

- A. chuyên canh cây cà phê. B. phát triển thủy điện.
C. khai thác dầu khí. D. khai thác hải sản.

Câu 9. Tỉ trọng nhóm tuổi từ 65 trở lên ở nước ta có xu hướng tăng là do

- A. hệ quả của tăng dân số. B. tuổi thọ trung bình thấp.
C. tỉ lệ gia tăng dân số tăng. D. mức sống được nâng cao.

Câu 10. Các ngành công nghệ cao phát triển ở Đông Nam Bộ chủ yếu do

- A. thị trường được mở rộng, nền kinh tế hàng hoá sớm phát triển.
B. nguyên liệu phong phú, cơ sở kĩ thuật tốt, năng lượng đảm bảo.
C. cơ sở hạ tầng hoàn thiện, thu hút được nhiều đầu tư nước ngoài.
D. chính sách hợp lí, lao động chuyên môn cao, nguồn đầu tư lớn.

Câu 11. Dân cư nước ta hiện nay

- A. tập trung đông đúc ở những thành phố lớn. B. thưa thớt ở các vùng có kinh tế phát triển.
C. phân bố đồng đều ở nông thôn, thành thị. D. sống đông đúc trong các khu công nghiệp.

Câu 12. Việc chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế nước ta hiện nay

- A. theo hướng mở rộng các khu công nghiệp. B. theo hướng tăng tỉ trọng kinh tế tư nhân.
C. đang diễn ra với tốc độ rất nhanh. D. làm giảm nhanh tỉ trọng của nông nghiệp.

Câu 13. Vùng đất của nước ta

- A. gồm phần đất liền và hải đảo. B. lớn hơn vùng biển nhiều lần.
C. thu hẹp theo chiều bắc - nam. D. chỉ giáp biển về phía đông.

Câu 14. Cơ sở để phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta là

- A. sức gió. B. dầu mỏ. C. than nâu. D. than đá.

Câu 15. Mạng lưới sông ngòi nước ta dày đặc do

- A. đồi núi dốc, lớp phủ thực vật bị phá hủy. B. lượng mưa lớn, có các đồng bằng rộng.
C. có các đồng bằng rộng, nhiều đồi núi. D. địa hình nhiều đồi núi, lượng mưa lớn.

Câu 16. Kinh tế Bắc Trung Bộ hiện nay có đặc điểm nào sau đây?

- A. Đang phát triển công nghiệp lọc hóa dầu. B. Có nhiều khu công nghiệp nhất cả nước.
C. Đứng đầu cả nước về trồng cây công nghiệp. D. Chỉ đẩy mạnh hoạt động đánh bắt xa bờ.

Câu 17. Ngành bưu chính của nước ta hiện nay

- A. chỉ có cơ sở tại các thành phố lớn. B. xuất hiện nhiều loại hình dịch vụ mới.
C. có tốc độ phát triển còn rất chậm. D. công nghệ tự động hoá ở mức cao.

Câu 18. Loại hình vận tải nào sau đây ở nước ta chủ yếu gắn với hoạt động ngoại thương?

- A. Đường biển. B. Đường thủy nội địa. C. Đường sắt. D. Đường bộ.

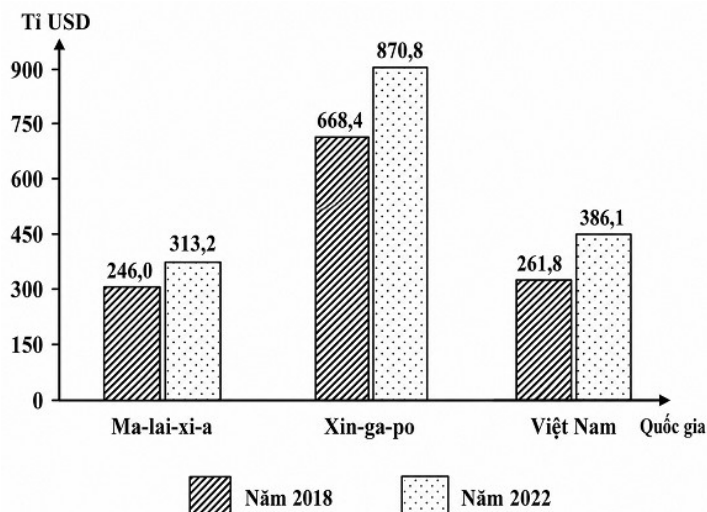
PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính là ngành xuất hiện muộn hơn so với các ngành công nghiệp khác ở nước ta, tuy nhiên lại có tốc độ phát triển nhanh từ những năm 2000 trở lại đây. Cơ cấu sản phẩm của ngành đa dạng, gồm các lĩnh vực như sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất máy vi tính, điện thoại di động, thiết bị điện dân dụng,...

- a) Đây là ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động và không đòi hỏi cao về trình độ chuyên môn kỹ thuật.
b) Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở nước ta là ngành công nghiệp trẻ nhưng có tốc độ phát triển nhanh.
c) Những năm gần đây, tốc độ phát triển của ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở phía Nam cao hơn phía Bắc.
d) Một trong những giải pháp để đẩy mạnh phát triển ngành này là thu hút FDI có chọn lọc và liên kết chuỗi cung ứng.

Câu 2. Cho biểu đồ sau:



Trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của một số quốc gia Đông Nam Á năm 2018 và năm 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê)

- Năm 2022 so với năm 2018, trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của Xin-ga-po tăng nhiều hơn Việt Nam.
- Năm 2022 so với năm 2018, trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của cả ba quốc gia đều tăng.
- Năm 2022, trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của Ma-lai-xi-a cao nhất.
- Năm 2022 so với năm 2018, trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam tăng chậm nhất.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Đông Nam Bộ đã và đang phát triển các khu, cụm công nghiệp theo hướng xanh hóa, phát triển kinh tế tuần hoàn, thu hút các ngành công nghệ cao. Qua đó, các địa phương trong vùng tích cực triển khai nhiều giải pháp nghiên cứu chuyển hướng sản xuất sang xu hướng tự động hóa quy trình sản xuất thông minh và sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, giá trị xuất khẩu lớn, gắn sản xuất với phát triển dịch vụ công nghiệp.

- Phát triển năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió giúp giảm áp lực phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch trong sản xuất công nghiệp ở Đông Nam Bộ.
- Đông Nam Bộ là nơi tập trung nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất, trung tâm công nghiệp.
- Áp dụng tự động hóa, công nghệ cao giúp các ngành công nghiệp ở Đông Nam Bộ tăng năng suất, giảm chi phí sản xuất, nâng cao giá trị xuất khẩu và cạnh tranh quốc tế.
- Quá trình công nghiệp hoá của Đông Nam Bộ phụ thuộc chủ yếu vào việc khai thác các nguồn lực tự nhiên.

Câu 4. Cho thông tin sau:

“Theo Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, đợt nắng nóng tại Bắc Bộ tiếp tục suy yếu. Đáng lưu ý, từ đêm 16 - 17/4, do chịu ảnh hưởng của không khí lạnh nén rãnh áp thấp kết hợp với hội tụ gió trên mức 1500m, nên ở Bắc Bộ và khu vực Thanh Hóa sẽ có mưa, mưa vừa và rải rác có giông với lượng mưa khoảng từ 20 - 40mm, cục bộ có nơi mưa to trên 100mm. Trong mưa giông có khả năng xảy ra lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh.”

(Nguồn: Bản tin dự báo thời tiết ngày 16/4/2026 trên Website Vietnamnet.vn)

- Rãnh áp thấp được đề cập đến ở đoạn thông tin trên chính là dải hội tụ nhiệt đới.
- Đợt không khí lạnh từ ngày 16 - 17/4/2026 là do hoạt động của gió mùa Đông Bắc vào đầu mùa đông gây ra.
- Nguyên nhân gây mưa đá vào rạng sáng ngày 16/4/2026 tại xã Bắc Hà, tỉnh Lào Cai là do hoạt động của gió mùa Đông Bắc kết hợp với dải hội tụ nhiệt đới và hội tụ gió trên cao.
- Gió mùa Đông Bắc hoạt động liên tục ở nước ta từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau, gây ra mùa đông lạnh cho phần lãnh thổ phía Bắc.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Số lượng đàn bò của cả nước, vùng Trung du và miền núi phía Bắc năm 2018 và năm 2023

(Đơn vị: nghìn con)

Năm	2018	2023
Cả nước	6 325,2	6 353,1
Trung du và miền núi phía Bắc	1 163,4	1 210,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết chênh lệch tốc độ tăng trưởng năm 2023 so với năm 2018 giữa số lượng đàn bò của Trung du và miền núi phía Bắc với cả nước là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2. Năm 2023, tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của nước ta là 786,9 tỉ USD. Cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ là 24,9 tỉ USD. Hãy cho biết trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của nước ta năm 2023 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến đơn vị).

Câu 3. Năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành của nước ta là 6 447,4 nghìn tỉ đồng; trong đó ngành bán lẻ là 4 928,7 nghìn tỉ đồng. Hãy cho biết năm 2024, tỉ lệ ngành bán lẻ trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của nước ta là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Số giờ nắng các tháng năm 2023 tại trạm quan trắc Nha Trang

(Đơn vị: giờ)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Số giờ nắng	82	157,8	262,2	256,2	275	239,1	210	281,3	221,7	202,9	98,9	115,2

(Nguồn: www.gso.gov.vn năm 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết số giờ nắng trung bình năm 2023 tại trạm quan trắc Nha Trang là bao nhiêu giờ (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng năm 2023 tại trạm quan trắc Quy Nhơn và trạm quan trắc Pleiku

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Quy Nhơn	140,4	105,1	28,6	10,6	84,3	42,2	107,6	11,9	324,9	449,2	393,7	178,0
Pleiku	10,3	0,4	4,9	38,0	279,3	362,2	539,7	295,2	499,4	280,2	17,9	0,2

(Nguồn: <https://www.nso.gov.vn/en/px-web>)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2023, lượng mưa của tháng có lượng mưa lớn nhất tại trạm quan trắc Pleiku cao hơn lượng mưa của tháng có lượng mưa lớn nhất tại trạm quan trắc Quy Nhơn là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6. Năm 2024, tổng số lao động có việc làm của nước ta là 51,9 triệu người. Trong đó, số lao động có việc làm trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài là 5,4 triệu người. Hãy cho biết năm 2024, tỉ lệ lao động có việc làm của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài trong tổng số lao động có việc làm của nước ta là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO**PHẦN I.**

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	A	A	B	D	A	A	B	D	D
Câu	1	12	13	14	15	1	17	18		

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	1					6				
Đáp án	A	B	A	A	D	A	B	A		

PHẦN II.

Câu	a	b	c	d
1	S	Đ	S	Đ
2	Đ	Đ	S	S
3	Đ	Đ	Đ	S
4	S	S	S	Đ

PHẦN III.

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	3,6%	406	76,4 %	2402	90,5	10,4%

LỜI GIẢI THAM KHẢO**PHẦN I****Câu 1. Chọn C. Năng suất tăng, sản lượng tăng.**

Từ biểu đồ: diện tích cà phê tăng từ **643,3 nghìn ha** lên **731,9 nghìn ha**; sản lượng tăng từ **1473,4 nghìn tấn** lên **2015,2 nghìn tấn**.

Năng suất = sản lượng / diện tích.

Năm 2015: khoảng **2,29 tấn/ha**.

Năm 2024: khoảng **2,75 tấn/ha**.

Vậy **năng suất tăng, sản lượng tăng**.

Câu 2. Chọn A. Cao su, hồ tiêu.

Cao su và hồ tiêu đều là **cây công nghiệp nhiệt đới** tiêu biểu của nước ta.

Ngô, lúa gạo là cây lương thực; sầu riêng là cây ăn quả; chè là cây công nghiệp cận nhiệt.

Câu 3. Chọn A.

Phần lãnh thổ phía Bắc có biên độ nhiệt năm cao hơn phía Nam chủ yếu do nằm gần chí tuyến Bắc hơn và chịu tác động rõ của **gió mùa Đông Bắc**, làm mùa đông lạnh, chênh lệch nhiệt độ giữa các mùa lớn.

Câu 4. Chọn B.

Nuôi trồng thủy sản cần diện tích mặt nước thích hợp. Nước ta có nhiều **sông ngòi, đầm phá, vùng ven biển**, thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản.

Câu 5. Chọn D.

Ở vùng núi, vào mùa mưa bão thường xảy ra **lũ quét, sạt lở đất** do địa hình dốc, mưa lớn tập trung, đất đá dễ bị cuốn trôi.

Câu 6. Chọn A.

Bắc Trung Bộ có phía Bắc giáp **Đồng bằng sông Hồng**.

Các phương án khác sai: Bắc Trung Bộ không giáp Cam-pu-chia, không giáp Đông Nam Bộ và vịnh Bắc Bộ không nằm ở phía tây.

Câu 7. Chọn A.

Đồng bằng sông Hồng có dân cư đông, kinh tế phát triển, mức sống người dân ngày càng nâng cao nên nhu cầu mua sắm hàng hóa và sử dụng dịch vụ lớn, làm tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng có quy mô lớn.

Câu 8. Chọn B.

Trung du và miền núi phía Bắc có địa hình cao, dốc, nhiều sông lớn có tiềm năng thủy năng nên có thể mạnh phát triển **thủy điện**.

Câu 9. Chọn D.

Tỉ trọng nhóm tuổi từ 65 trở lên tăng do tuổi thọ trung bình tăng, chất lượng cuộc sống và điều kiện y tế được cải thiện. Vì vậy nguyên nhân phù hợp nhất là **mức sống được nâng cao**.

Câu 10. Chọn D.

Các ngành công nghệ cao ở Đông Nam Bộ phát triển nhờ chính sách thu hút đầu tư, nguồn vốn lớn, lao động có chuyên môn kỹ thuật cao và môi trường sản xuất hiện đại.

Câu 11. Chọn A.

Dân cư nước ta hiện nay tập trung đông ở các vùng đồng bằng, đô thị lớn, đặc biệt là những thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng,...

Câu 12. Chọn B.

Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay diễn ra theo hướng phát triển mạnh khu vực ngoài Nhà nước, đặc biệt là **kinh tế tư nhân**.

Câu 13. Chọn A.

Vùng đất của nước ta gồm **phần đất liền và các đảo, quần đảo**. Đây là một bộ phận của lãnh thổ quốc gia.

Câu 14. Chọn A.

Năng lượng tái tạo gồm năng lượng gió, mặt trời, thủy triều,... Trong các phương án, **sức gió** là cơ sở để phát triển năng lượng tái tạo. Dầu mỏ, than nâu, than đá là năng lượng hóa thạch.

Câu 15. Chọn D.

Mạng lưới sông ngòi nước ta dày đặc do nước ta có **địa hình nhiều đồi núi** và **lượng mưa lớn**, tạo điều kiện hình thành nhiều dòng chảy.

Câu 16. Chọn A.

Bắc Trung Bộ hiện nay đang phát triển công nghiệp lọc hóa dầu, tiêu biểu là khu kinh tế Nghi Sơn ở Thanh Hóa. Các phương án còn lại không đúng với đặc điểm kinh tế nổi bật của vùng.

Câu 17. Chọn B.

Ngành bưu chính nước ta hiện nay phát triển đa dạng hơn, xuất hiện nhiều loại hình dịch vụ mới như chuyển phát nhanh, logistics, bưu chính điện tử,...

Câu 18. Chọn A.

Hoạt động ngoại thương chủ yếu gắn với vận tải biển vì vận chuyển hàng hóa quốc tế thường có khối lượng lớn, cự li xa, chi phí thấp hơn so với nhiều loại hình khác. Vì vậy chọn **đường biển**.

PHẦN II**Câu 1****a) Sai.**

Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính là ngành công nghiệp trẻ, hiện đại, đòi hỏi vốn lớn, công nghệ cao và lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật nhất định. Vì vậy không thể nói ngành này “không đòi hỏi cao về trình độ chuyên môn kỹ thuật”.

b) Đúng.

Thông tin đã nêu rõ ngành này “xuất hiện muộn hơn so với các ngành công nghiệp khác ở nước ta” nhưng “có tốc độ phát triển nhanh từ những năm 2000 trở lại đây”. Vì vậy đây là ngành công nghiệp trẻ nhưng phát triển nhanh.

c) Sai.

Những năm gần đây, công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính phát triển rất mạnh ở phía Bắc, tiêu biểu tại Bắc Ninh, Thái Nguyên, Hải Phòng, Bắc Giang,... Do đó nói tốc độ phát triển ở phía Nam cao hơn phía Bắc là không chính xác.

d) Đúng.

Ngành điện tử, máy vi tính phụ thuộc nhiều vào vốn, công nghệ, chuỗi cung ứng và thị trường quốc tế. Vì vậy thu hút FDI có chọn lọc, gắn với liên kết chuỗi cung ứng là giải pháp phù hợp để phát triển ngành này bền vững hơn.

Câu 2

Dựa vào biểu đồ:

Quốc gia	Năm 2018	Năm 2022	Mức tăng
Ma-lai-xi-a	246,0	313,2	67,2
Xin-ga-po	668,4	870,8	202,4
Việt Nam	261,8	386,1	124,3

a) Đúng.

Xin-ga-po tăng: $870,8 - 668,4 = 202,4$ tỉ USD.

Việt Nam tăng: $386,1 - 261,8 = 124,3$ tỉ USD.

Vậy Xin-ga-po tăng nhiều hơn Việt Nam.

b) Đúng.

Cả ba quốc gia đều có trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ năm 2022 cao hơn năm 2018, nên đều tăng.

c) Sai.

Năm 2022, trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ cao nhất là Xin-ga-po với **870,8 tỉ USD**, không phải Ma-lai-xi-a.

d) Sai.

Mức tăng của Việt Nam là **124,3 tỉ USD**, cao hơn Ma-lai-xi-a **67,2 tỉ USD**. Nếu xét tốc độ tăng tương đối, Việt Nam cũng tăng nhanh hơn Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po. Vì vậy nói Việt Nam tăng chậm nhất là sai.

Câu 3**a) Đúng.**

Phát triển điện mặt trời, điện gió giúp bổ sung nguồn năng lượng sạch, giảm phụ thuộc vào than, dầu, khí và các nhiên liệu hóa thạch trong sản xuất công nghiệp.

b) Đúng.

Đông Nam Bộ là vùng công nghiệp phát triển nhất nước ta, tập trung nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất và trung tâm công nghiệp lớn như TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Vũng Tàu,...

c) Đúng.

Tự động hóa và công nghệ cao giúp tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng giá trị xuất khẩu và khả năng cạnh tranh quốc tế.

d) Sai.

Công nghiệp hóa của Đông Nam Bộ không phụ thuộc chủ yếu vào tài nguyên thiên nhiên. Vùng này phát triển mạnh nhờ vị trí thuận lợi, cơ sở hạ tầng, lao động có trình độ, vốn đầu tư, khoa học công nghệ, thị trường và chính sách phát triển.

Câu 4**a) Sai.**

Rãnh áp thấp trong đoạn thông tin không phải là dải hội tụ nhiệt đới. Dải hội tụ nhiệt đới thường hoạt động rõ hơn vào mùa hạ, gây mưa lớn ở nhiều vùng nước ta; còn đoạn thông tin nói đến không khí lạnh nén rãnh áp thấp kết hợp hội tụ gió trên cao.

b) Sai.

Đợt không khí lạnh ngày 16 - 17/4/2026 diễn ra vào tháng 4, không phải đầu mùa đông. Đây là thời kì cuối mùa lạnh, chuyển tiếp sang mùa hạ ở miền Bắc.

c) Sai.

Đoạn thông tin nêu nguyên nhân là **không khí lạnh nén rãnh áp thấp kết hợp với hội tụ gió trên mực 1500m**, không phải gió mùa Đông Bắc kết hợp với dải hội tụ nhiệt đới.

d) Đúng.

Gió mùa Đông Bắc hoạt động ở miền Bắc nước ta chủ yếu từ khoảng tháng 11 đến tháng 4 năm sau, làm phần lãnh thổ phía Bắc có mùa đông lạnh.

PHẦN III.**Câu 1.**

Tốc độ tăng trưởng đàn bò của Trung du và miền núi phía Bắc năm 2023 so với năm 2018 là:

$$\frac{1210,9}{1163,4} \times 100 = 104,08\%$$

Tốc độ tăng trưởng đàn bò của cả nước năm 2023 so với năm 2018 là:

$$\frac{6353,1}{6325,2} \times 100 = 100,44\%$$

Chênh lệch tốc độ tăng trưởng là:

$$104,08 - 100,44 = 3,64\%$$

Làm tròn đến một chữ số thập phân: **3,6%**.

Đáp án: 3,6%

Câu 2.

Gọi trị giá xuất khẩu là X , trị giá nhập khẩu là M .

Ta có:

$$X + M = 786,9$$

$$X - M = 24,9$$

Suy ra:

$$X = \frac{786,9 + 24,9}{2} = 405,9$$

Làm tròn đến đơn vị: **406 tỉ USD**.

Đáp án: 406

Câu 3.

Tỉ lệ ngành bán lẻ trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng là:

$$\frac{4928,7}{6447,4} \times 100 = 76,44\%$$

Làm tròn đến một chữ số thập phân: **76,4%**.

Đáp án: 76,4%

Câu 4.

Số giờ nắng năm 2023 tại trạm Nha Trang là tổng số giờ nắng của 12 tháng:

$$82 + 157,8 + 262,2 + 256,2 + 275 + 239,1 + 210 + 281,3 + 221,7 + 202,9 + 98,9 + 115,2 = 2402,3$$

Làm tròn đến hàng đơn vị: **2402 giờ**.

Đáp án: 2402

Câu 5.

Lượng mưa lớn nhất tại trạm Pleiku là **539,7 mm**.

Lượng mưa lớn nhất tại trạm Quy Nhơn là **449,2 mm**.

Chênh lệch là:

$$539,7 - 449,2 = 90,5 \text{ mm}$$

Đáp án: 90,5 mm

Câu 6.

Tỉ lệ lao động có việc làm trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài là:

$$\frac{5,4}{51,9} \times 100 = 10,40\%$$

Làm tròn đến một chữ số thập phân: **10,4%**.

Đáp án: 10,4%